

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH KON TUM

Bản án số: 16/2017/HS-PT

Ngày: 27/10/2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KONTUM

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Năm

-Các Thẩm phán: 1/ Ông Huỳnh Nguyên

2/ Bà Lê Thúy Cầu

-Thư ký toà án ghi biên bản phiên tòa : Bà Dương Thị Tuyết Trinh - Cán bộ TAND tỉnh Kon Tum.

-Đại diện VKSND tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hải Yến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/10/2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 20/2017/HS-PT ngày 07/9/2017 đối với bị cáo Nguyễn Thành Đ. Do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thành Đ đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 55/2017/HS-ST ngày 02/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thành Đ (Tên gọi khác: B) , sinh năm 1997 tại Kon Tum.

Trú tại: Thôn P, phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: thợ sửa điện thoại; Trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Thành T (SN: 1968) và bà Lê Thị X (SN: 1972); Bị cáo chưa có vợ;

Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/12/2016 đến ngày 09/5/2017 (04 tháng 16 ngày) được thay bằng biện pháp “Bảo lãnh”, bị cáo tại ngoại đến nay (Có mặt).

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 07/12/2016, Lê Thịnh N điều khiển xe mô tô 82B1 – 419.63 chở phía sau là Đặng Quốc Th đến nhà nghỉ N, khi đang đi trên đường thì có Nguyễn Thành Đ gọi điện thoại cho N hỏi N đang ở đâu? N nói đang ở nhà nghỉ N nên Đ đến nhà nghỉ N. Khi đến nơi, Đ đi vào phòng có điện sáng thì gặp Th và N đang ngồi trong phòng nên Đ đi vào và đóng cửa lại. Sau khi đóng cửa thì N sử dụng ma túy, nên Đ và Th đồng ý. Th ra ngoài lấy chai nhựa rồi quay lại phòng, thì N lấy ra một nỏ thủy tinh và một gói ma túy đá bỏ trong túi ni lông màu trắng trong người ra, cắt lấy một ít bỏ vào nỏ thủy tinh, sau đó hàn số ma túy còn lại và cất vào túi áo khoác của N. Khi cả bọn đang sử dụng ma túy thì N nghe có tiếng chó sủa nên rủ tất cả ra về. Khi ra khỏi nhà nghỉ N, N vứt bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá vào bụi cây trước nhà nghỉ, Th và N đi đến quán điện tử trên đường Ng, phường L, thành phố K để chơi điện tử, còn Đ thì điều khiển xe mô tô về nhà Đ. Khi vào quán điện tử, N ngồi bàn máy tính số 2, Th ngồi bàn máy tính số 3 để chơi điện tử. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, thì Đ đến quán điện tử, thấy N ngồi bàn máy tính số 2, Th ngồi bàn máy tính số 3, nên Đ ngồi bàn máy tính số 4 cùng dãy. Khi Đ ngồi vào bàn máy tính số 4, thì thấy màn hình máy tính bị nghiêng, nên Đ chỉnh lại và phát hiện gói ma túy lúc chiều N lấy ra sử dụng ở nhà nghỉ N do N cất giấu tại đây. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Ngô Văn Đ (X) gọi điện thoại cho Th rủ Th đến nhà Đ chơi, cùng lúc này N rủ Th và Đ đi uống nước và N đứng dậy tính tiền chơi điện tử. Sau đó, N đứng sau lưng Đ và nói Đ: “lấy đi, cầm đi B”, nghe vậy Đ hiểu là cầm gói ma túy đá ở bàn máy tính số 4 theo. Đ cầm gói ma túy bỏ vào túi áo lạnh rồi đi bộ cùng N ra đường, còn Th điều khiển xe mô tô biển số 82B1 – 419.63 đi trước. Khi đến phòng khách nhà Đ, Đ đưa gói ma túy lại cho N cất giấu. Khi N, Th, Đ đi vào phòng ngủ của Đ và biết Đ đang ở một mình, nên N rủ Đ, Th và Đ “làm chút” (tức là sử dụng ma túy) thì tất cả đồng ý. Đ làm tim lửa, Đ chuẩn bị chai nước, N nói Đ đi lấy nỏ thủy tinh lúc chiều N vứt ở bụi cây trước nhà nghỉ N, nhưng Đ không đi nên Th điều khiển xe mô tô 82B1 – 419.63 để đi lấy nỏ. Khoảng 10 phút sau Th quay về đưa cho Đ để lắp ráp vào bình nước rồi đưa lại cho N. Sau khi chuẩn bị xong dụng cụ sử dụng ma túy, N lấy gói ma túy ra, dùng kéo cắt ra đổ một ít ma túy vào nỏ thủy tinh, đốt lửa lên cho tất cả bốn người cùng nhau sử dụng. Số ma túy còn lại N cất giấu. Khi tất cả mọi người sử dụng ma túy được 30 phút, thì Đ đi vệ sinh, Đ đi ra phía trước thấy nhiều người thì chạy vào nói với N “Ai kiểm anh hay sao có 3 – 4 người phía trước”, cùng lúc này lực lượng Công an thành phố Kon Tum đến kiểm tra nên cả bọn bỏ chạy. Lúc này, Đ đang ở nhà vệ sinh, nên nhìn thấy N cũng chạy xuống nhà vệ sinh và giấu gói

ma túy bỏ trong bì ni lông N hàn lại khi nẩy lên tường nhà vệ sinh của Đ. Khi Công an kiểm tra và bắt quả tang toàn bộ hành vi phạm tội của N, Th, Đ và Đ đang sử dụng trái phép chất ma túy, đồng thời thu giữ 01 gói chất tinh thể rắn màu trắng đựng trong bì ni lông dán kín; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; 01 chiếc kéo bằng kim loại màu trắng đã qua sử dụng; 01 xe mô tô biển số 82B1 – 419.63 và 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại bản kết luận giám định số 05/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kon Tum ngày 09/12/2016 kết luận: Gói chất tinh thể màu trắng đựng trong bì ni lông dán kín (được niêm phong) gửi giám định là Methamphetamine có trọng lượng 4,089 gam (Bốn phẩy không tám chín gam), đây là chất ma túy được quy định trong Danh mục II, Nghị định số 82/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thành Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối với Lê Thịnh N không thừa nhận 4,089 gam Methamphetamine là của N nhưng N có thừa nhận khi đến nhà Ngô Văn Đ thì N có cầm gói ma túy mà Công an thu giữ có trọng lượng là 4,089 gam từ Đạt đưa, N bỏ vào túi áo khoảng 10 đến 15 phút; N có rủ Đ, Đ, Th cùng sử dụng ma túy và khi Th mang nỏ từ bụi cây trước nhà nghỉ N về, thì N có dùng kéo cắt gói ma túy đổ vào nỏ để tất cả cùng sử dụng.

Tại bản cáo trạng số: 42/KSĐT–MT, ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum truy tố bị cáo Lê Thịnh N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và bị cáo Nguyễn Thành Đ về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Với nội dung trên tại bản án hình sự sơ thẩm số: 55/2017/HSST ngày 02/8/2017 của TAND thành phố Kon Tum đã quyết định :

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Thịnh N (Tên gọi khác: B) phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị cáo Nguyễn Thành Đ (Tên gọi khác: B) phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999; điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Thịnh N 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (10/12/2016).

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án và được khấu trừ 04 (Bốn) tháng 16 (Mười sáu) ngày tạm giam trước đó.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/8/2017 bị cáo Nguyễn Thành Đ kháng cáo xin hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình; lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bị cáo phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và đã xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm p, khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã xuất trình tài liệu siêu âm tim, điện tâm đồ của Bệnh viện đại học y dược tỉnh Gia Lai; mặt khác, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền xác nhận. Đây là những tình tiết mới mà cấp sơ thẩm chưa xem xét cho bị cáo nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Xét về nhân thân, bị cáo không có tiền án, tiền sự. Do đó, đối chiếu với quy định tại Điều 2 Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự về án treo, thì bị cáo đủ điều kiện để hưởng án treo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự, chấp nhận đơn kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và bị cáo.

XÉT THÁY:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thành Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; do đó, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 07/12/2016 tại nhà nghỉ N, Lê Thịnh N rủ Nguyễn Thành Đ và Đặng Quốc Th cùng sử dụng ma túy. Sau đó, N và Th đi quán điện tử ở đường Ng, phường L chơi điện tử còn Đ đi về nhà. Tại quán điện tử, N ngồi bàn máy tính số 2, Th ngồi bàn máy tính số 3, N đã để gói ma túy cầm từ nhà nghỉ xuống dưới màn hình máy tính tại bàn số 4, Đ đến sau đã ngồi vào bàn này. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Ngô Văn Đ gọi điện rủ Th đến nhà chơi, nghe vậy N và Đ cùng đi. N đứng dậy tính tiền và nói Đ cầm gói ma túy, khi đến nhà Đ, Đ đưa lại gói ma túy cho N. Tại phòng ngủ của Đ, N lấy một ít ma túy ra để cả bọn cùng sử dụng, số còn lại N hàn kín bỏ vào túi áo. Khoảng 30 phút sau thì lực lượng Công an thành phố Kon Tum đến kiểm tra và thu giữ một số tang vật cùng 01

gói chất tinh thể rắn màu trắng đựng trong bì ni lông. Theo kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kon Tum, gói chất tinh thể rắn màu trắng đựng trong bì ni lông là Methamphetamine có trọng lượng 4,089 gam, đây là chất ma túy trong Danh mục II, Nghị định số 82/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Với hành vi phạm tội như trên, Tòa án cấp sơ thẩm kết án Nguyễn Thành Đ về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 194 bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thành Đ thấy: Bị cáo là người nghiện ma túy. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả do bị cáo gây ra. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; do đó, khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo 24 tháng tù, mức hình phạt này là đã xem xét chiếu cố cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, đây là mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình tài liệu là kết quả siêu âm tim của bị cáo và đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn vì cha lớn tuổi, mẹ thường xuyên đau ốm, bị cáo phải lao động để phụ giúp gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo. Tuy nhiên, tài liệu siêu âm tim mà bị cáo cung cấp không có kết luận rõ ràng về việc bị cáo bị đau tim hay không. Mặt khác, hiện nay tình trạng tàng trữ, vận chuyển và sử dụng trái phép chất ma túy có chiều hướng phức tạp, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự về án treo thì việc bị cáo sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm điều cấm của pháp luật nên không thể coi là bị cáo có nhân thân tốt. Do vậy, yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Do đơn kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành Đ, giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 55/2017/HSST ngày 02/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thành Đ.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành Đ 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án và được khấu trừ 04 (Bốn) tháng 16 (Mười sáu) ngày tạm giam trước đó.

Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 21; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thành Đ phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (27/10/2017).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Năm

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Nguyên Lê Thúy Cầu

Trần Năm

